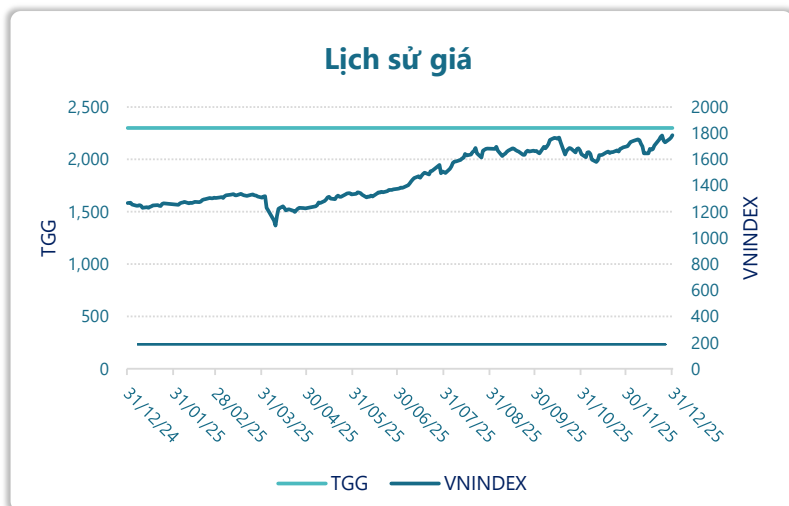


CTCP The Golden Group (UPCOM: TGG)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	2,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	2,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,300
SL cổ phiếu LH	27,299,990
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	63
P/E	-8.2
EPS	-282

DT thuần
Q4/25

122

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 25.1 | 25.4%

YoY: ▲ 46.8 | 61.6%

LN sau thuế
Q4/25

-2.67

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.21 | 7.2%

YoY: ▲ 0.14 | 4.9%

Tỷ suất lãi EBIT
2025

-0.9%

+/- YoY: ▼ 0.3%

DT thuần
2025

429

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 55.0 | -11.3%

LN sau thuế
2025

-10.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.80 | 27.6%

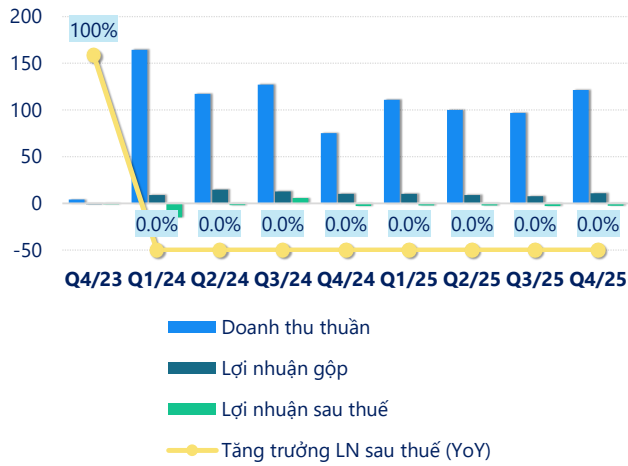
ROE
2025

-4.4%

+/- YoY: ▲ 2.1%

tỷ VNĐ

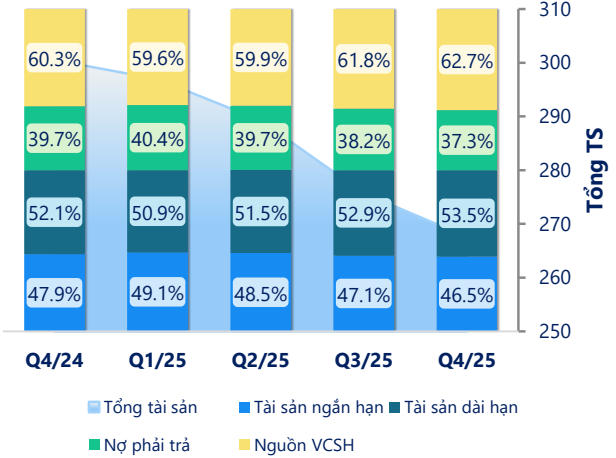
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

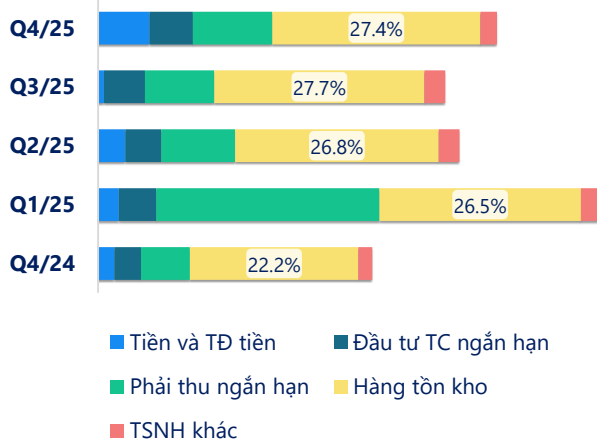
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



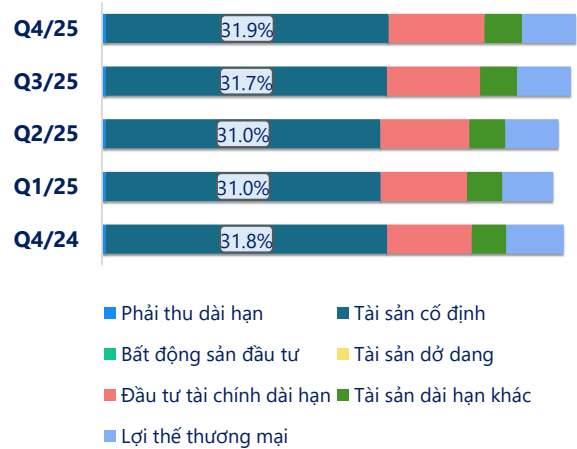
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

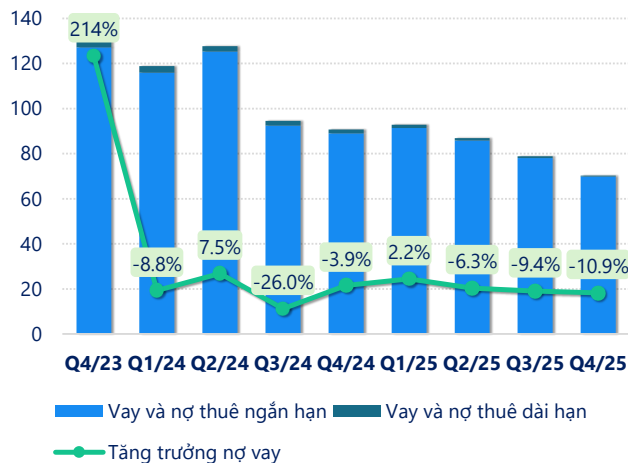
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

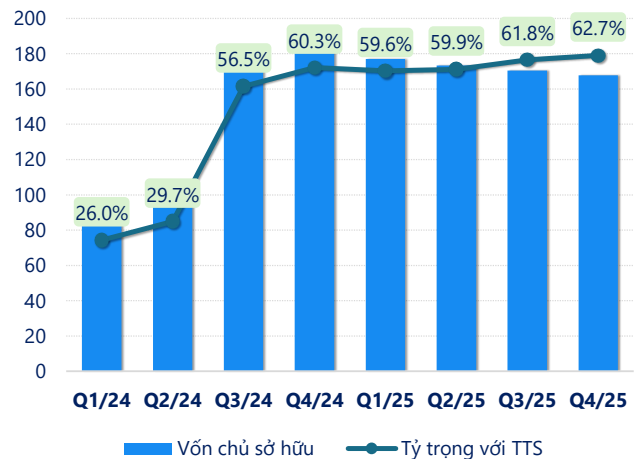
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

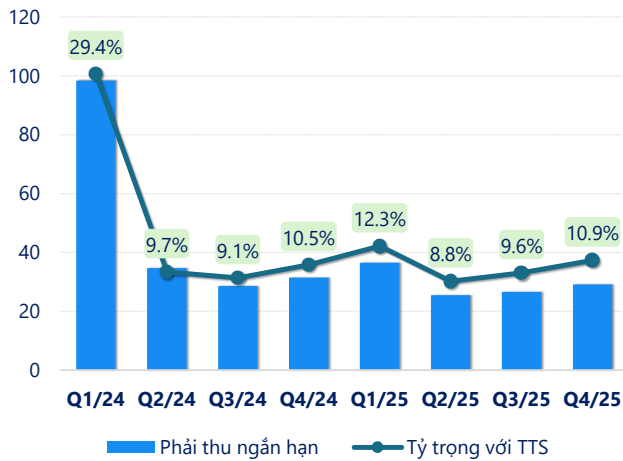
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



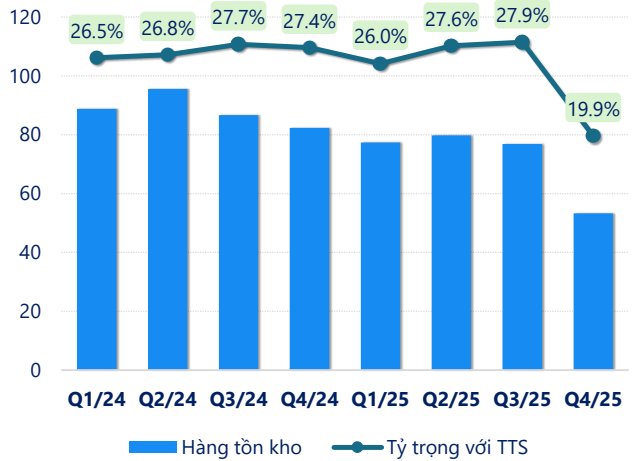
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


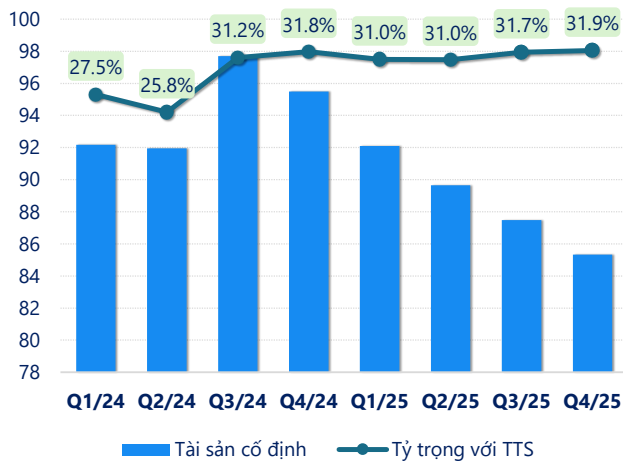
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


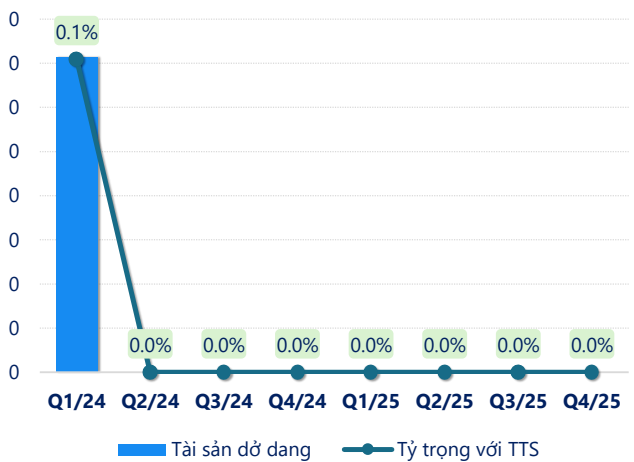
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

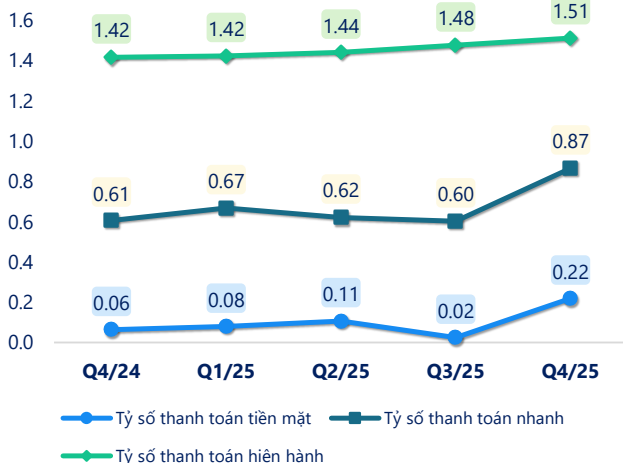
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

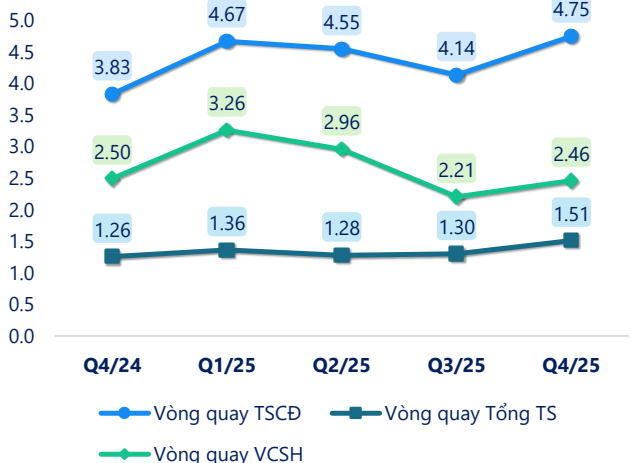
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	301	297	289	276	268
Tài sản ngắn hạn	144	146	140	130	124
Tiền và tương đương tiền	6.42	8.10	10.4	2.15	18.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.2	17.2	17.5	17.5	17.9
Phải thu ngắn hạn	31.4	36.5	25.5	26.6	29.1
Hàng tồn kho	82.4	77.3	79.7	76.8	53.3
Tài sản ngắn hạn khác	6.54	6.55	7.11	6.74	6.20
Tài sản dài hạn	157	151	149	146	143
Phải thu dài hạn	1.26	1.30	1.27	1.20	1.20
Tài sản cố định	95.5	92.1	89.7	87.5	85.3
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	28.6	28.9	29.0	29.0	29.0
Tài sản dài hạn khác	11.7	11.9	11.7	11.4	11.3
Lợi thế thương mại	19.5	17.0	17.4	16.8	16.2
Nợ phải trả	119	120	115	105	99.9
Nợ ngắn hạn	102	102	97.3	87.9	82.3
Vay và nợ thuê ngắn hạn	89.0	91.4	85.9	78.0	69.9
Phải trả người bán ngắn hạn	5.26	5.76	4.04	4.86	6.13
Nợ dài hạn	17.8	17.6	17.5	17.4	17.6
Vay và nợ thuê dài hạn	1.75	1.40	1.05	0.78	0.35
Nguồn vốn chủ sở hữu	181	177	173	170	168
Vốn chủ sở hữu	181	177	173	170	168
Vốn điều lệ	273	273	273	273	273
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)